

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 15/2024/HSST
Ngày: 12/3/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Tr.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị O và bà Vũ Thị T1.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh L - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh H: Bà Đặng Thị H1 - Kiểm sát viên.

Ngày 12/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự, thụ lý số: 13/2024/TLST-HS ngày 22/02/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HS ngày 26/02/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Văn T**, sinh năm 1982; Tên gọi khác: Không có; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, tỉnh H; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Vũ Văn T2, sinh năm 1950; Con bà: Lê Thị H2 (đã chết); Anh, chị, em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ ba; Vợ: Ngô Thị T3, sinh năm 1985; Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2024 đến ngày 30/01/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Bị cáo hiện đang tại ngoại, (*Có mặt tại phiên tòa*).

***/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Lê Văn T4, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, tỉnh H.

***/ Người làm chứng:** Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Thôn T5, xã B, huyện K, tỉnh H.

Tại phiên tòa: Anh T4 có mặt. Ông P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 5/2023, Vũ Văn T có gặp một người đàn ông, tự giới thiệu tên là Nam (*không địa chỉ cụ thể*) ở xã B, huyện G, thành phố H3 khi ngồi uống nước tại quán nước của ông Nguyễn Trọng T ở Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, tỉnh H. Tại đây, T có cho Nam vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất 500.000đ/tháng. Nam đã trả cho T được 02 tháng tiền lãi với số tiền là 1.000.000đ. Sau đó, do không có tiền trả tiền gốc và lãi cho T nên ngày 14/01/2024, tại quán nước của ông Nguyễn Trọng T, Nam nói với T: “*Em có pháo hoa loại 36 quả, anh có lấy không em để cho?*”. Do có nhu cầu mua pháo nổ về đốt trong dịp tết nguyên đán nên T nói: “*Chú bán giá thế nào?*”. Nam nói: “*Em để anh 1.400.000đ/hộp*”. T nói: “*Anh lấy 9 hộp trừ vào tiền nợ nhé*” thì Nam đồng ý. Nam hẹn giao pháo hoa nổ cho T vào lúc rạng sáng ngày 15/01/2024 tại điểm canh dê thuộc P, xã B, huyện K, tỉnh H. Khoảng 00 giờ ngày 15/01/2024, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ-đen-bạc, biển số 21F3-0392 đến điểm hẹn gặp Nam. Tại đây, Nam và T thỏa thuận giá 09 hộp pháo là 12.500.000đ. Số tiền mua pháo này sẽ trừ vào tiền nợ gốc và nợ lãi 05 tháng mà Nam nợ T. Nam nói tặng thêm cho T 03 hộp pháo nữa thì T đồng ý. Nam dẫn T xuống dưới dốc T5, xã B rồi chỉ vào bao tải màu trắng đặt ở ven đường và nói: “*Pháo em để ở đây, anh lấy đi nhé*”. Sau đó, Nam bỏ đi còn T tiến lại gần chiếc bao tải, kiểm tra thấy bên trong có 12 vật hình hộp chữ nhật, bên ngoài có dán kín bằng giấy màu vàng đỏ, có hoa văn nhiều màu sắc, in chữ nước ngoài. Tin tưởng là pháo nổ nên T đặt bao tải lên xe mô tô biển số 21F3 - 0392 để chở về nhà thì bị Công an xã B kết hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: Thu giữ của Vũ Văn T 01 mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ-đen-bạc, biển số 21F3-0392; 01 bao tải dứa màu trắng, bên trong có 01 túi nilon màu trắng đựng 06 túi nilon màu đen. Trong mỗi túi nilon màu đen đều có 02 vật hình hộp chữ nhật có kích thước tương đồng nhau khoảng (14,5x14,5x10)cm, bên ngoài mỗi hộp có dán giấy màu vàng-đỏ, in chữ nước ngoài. Cơ quan điều tra đã tiến hành niêm phong 12 vật hình hộp chữ nhật nêu trên để gửi đi giám định.

Tại Bản Kết luận giám định số: 66/KL-KTHS ngày 22/01/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh H, kết luận: 12 (*mười hai*) vật hình hộp chữ nhật nêu trên có tổng khối lượng là 14,60 kg (*Mười bốn phẩy sáu mươi kilôgam*), các vật hình hộp chữ nhật đều là pháo nổ (*pháo hoa nổ*).

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển số 21F3-0392 là của anh Lê Văn T4 ở Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, tỉnh H. Anh T4

cho T mượn xe để đi chơi nhưng không biết T sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trao trả anh T4 chiếc xe mô tô nêu trên.

- Đối với 01 bao tải màu trắng; 01 túi nilon màu trắng; 06 túi nilon màu đen và mẫu vật được hoàn lại sau giám định trong hộp bằng bìa các tông được niêm phong bên trong có 13,00 kg pháo nổ, Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng để chờ xử lý theo quy định.

Cáo trạng số: 15/CT-VKSKC ngày 20/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh H truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội “**Tàng trữ hàng cấm**” theo điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử T4 bị cáo Vũ Văn T phạm tội “**Tàng trữ hàng cấm**”. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, c khoản 1 Điều 47; khoản 1, 2, 5 điều 65 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Xử phạt Vũ Văn T từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm, tính từ ngày T4 án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Tịch thu cho tiêu hủy 01 bao tải màu trắng; 01 túi nilon màu trắng; 06 túi nilon màu đen và mẫu vật được hoàn lại sau giám định trong hộp bằng bìa các tông được niêm phong bên trong có 13,00 kg pháo nổ. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

- Khi được nói lời sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành

tổ tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng là ông P. Qua xem xét sự vắng mặt của họ, Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ nên xét thấy việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo không yêu cầu hoãn phiên tòa. Sau khi thảo luận tại phòng xử án, căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Chứng cứ xác định có tội: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, được chứng minh bằng các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong đồ vật; Kết luận giám định; Lời khai của bị cáo, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và của người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 15/01/2024 tại Thôn T5, xã B, huyện K, tỉnh H, Vũ Văn T đã có hành vi tàng trữ 14,60 kg pháo nổ (pháo hoa nổ) nhằm mục đích sử dụng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K phát hiện, bắt giữ. Hành vi nêu trên của Vũ Văn T đã phạm tội “**Tàng trữ hàng cấm**” theo điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Vũ Văn T theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số: 25/CT-VKSKC ngày 20/02/2024 là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với người đàn ông tên N: Quá trình điều tra T khai chỉ biết tên của người này là N qua lời tự giới thiệu của N chứ không biết chính xác họ tên, tuổi, địa chỉ và cũng không có số điện thoại, hình ảnh hay tài liệu gì khác về người tên Nam. Do vậy, cơ quan điều tra không có căn cứ để tiến hành xác minh, xử lý hành vi bán pháo nổ đối với người đàn ông này.

Đối với anh Lê Văn T4, khi cho T mượn chiếc xe mô tô biển số 21F3-0392 nhưng không biết T sử dụng xe vào mục đích phạm tội nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với hành vi cho vay tiền để thu lãi của T: Do Cơ quan điều tra chưa làm việc được với người tên Nam và không có tài liệu, chứng cứ gì khác thể hiện việc T cho N vay tiền. Do vậy, chưa có đủ căn cứ để xử lý hành vi cho vay tiền để thu lãi của T.

Xét hành vi của Vũ Văn T là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, đã tàng trữ pháo nổ là mặt hàng Nhà nước cấm. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng cấm trong đó có pháo nổ.

Hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội và còn là nguyên nhân làm phát sinh các tai tệ nạn khác nên cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự.

[4]. Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

- Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội.
- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt có xác nhận của chính quyền địa phương nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, với đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần áp dụng khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho UBND xã Đ1, huyện K, tỉnh H giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng chống tội phạm nói chung trong toàn xã hội. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[5]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 4 Điều 191 Bộ luật Hình sự quy định *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về vật chứng, căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, vật chứng được xử lý như sau:

- 01 chiếc xe mô tô biển số 21F3-0392 được xác định là của anh Lê Văn T4, anh T4 cho T mượn xe để đi chơi nhưng không biết T sử dụng xe để thực

hiện hành vi phạm tội nên Công an huyện K đã trao trả anh T4 chiếc xe trên và anh T4 cũng không yêu cầu, đề nghị gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

- 01 bao tải màu trắng; 01 túi nilon màu trắng; 06 túi nilon màu đen và 01 hộp bằng bìa các tông được niêm phong bên trong có 13,00 kg pháo nổ là mẫu vật được hoàn lại sau giám định, xác định đây là vật chứng không có giá trị và vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Bị cáo Vũ Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự năm 2019.

T4 bổ: Bị cáo Vũ Văn T phạm tội “*Tàng trữ hàng cấm*”.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày T4 án sơ thẩm (12/3/2024).

Giao Vũ Văn T cho UBND xã Đ1, huyện K, tỉnh H giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp Vũ Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự năm 2019.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 bao tải màu trắng; 01 túi nilon màu trắng; 06 túi nilon màu đen và 01 thùng giấy bằng bìa các tông được niêm phong bên trong có 13,00 kg pháo nổ.

(Tình trạng, đặc điểm, chủng loại vật chứng như Quyết định chuyển vật chứng số: 15/QĐ-VKSKC, ngày 20-02-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K)

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Vũ Văn T phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày T4 án.

*** Nơi nhận:**

- Phòng KTNV&THA-TAND tỉnh HY.
- VKSND tỉnh H.
- CA huyện K.
- VKS huyện K.
- Chi cục THADS huyện K.
- UBND xã Đ1;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tiến Tr